THỎA THUẬN HỢP TÁC

COOPERATION AGREEMENT

Số/*No.* [Số/Number]

Ngày/*Date*: [Ngày/Date]

***

Thỏa Thuận Hợp Tác này ("**Thỏa Thuận** ") được lập vào [ngày ký kết] tại thành phố Hồ Chí Minh, bởi và giữa:

*This Cooperation Agreement (the "**Agreement**") is made and entered into on [date of signing] at Ho Chi Minh City, by and between:*

CÔNG TY TNHH KONE VIỆT NAM

KONE VIETNAM LIMITED LIABILITY COMPANY

Địa chỉ trụ sở	Số 106, đường Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh , Việt Nam
Head office	*No. 106, Nguyen Van Troi Street, Ward 8, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City, Vietnam*
Số điện thoại/*Tel*	[]
Fax/*Fax*	[]
Mã số thuế/*Tax code*	[]
Số Tài Khoản	[số tài khoản ngân hàng] mở tại [tên ngân hàng],
Account number	*[account number] opened at [name of bank],*
Người đại diện	Ông _____, Chức vụ: Tổng Giám Đốc
Represented by	*Mr. [], Position: General Director*

(Dưới đây được gọi là "**KONE** hoặc **"Bên Tài Trợ**")

*(Hereinafter referred to as "**KONE**" or the "**Sponsor**")*

VÀ / *AND*

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LY TRONG TRONG COLLEGE OF HO CHI MINH CITY

Địa chỉ trụ sở	Số 390, đường Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Head office	*No. 390, Hoang Van Thu Street, Ward 4, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam*
Số điện thoại/*Tel*	[]
Fax/*Fax*	[]
Mã số thuế /*Tax code*	[]
Số Tài Khoản	[số tài khoản ngân hàng] mở tại [tên ngân hàng],
Account number	*[account number] opened at [name of bank],*
Người đại diện	Ông Phạm Hữu Lộc – Hiệu Trưởng
Represented by	*Mr. Pham Huu Loc - Principal*

(Dưới đây được gọi là **"LTTC"** hoặc **"Chủ Dự Án")**

*(Hereinafter referred to as "**LTTC**" or the "**Project's Owner**")*

("**KONE**" và "**LTTC**" dưới đây được gọi riêng là "**Bên**" và gọi chung là "**Các Bên**")

*("**KONE**" and "**LTTC**" hereinafter individually referred to as "**the Party**" and collectively as "**the Parties**")*

XÉT RẰNG/*WHEREAS*

A. KONE và LTTC đang hợp tác triển khai một dự án "Xây dựng trung tâm đào tạo về lĩnh vực thang máy và thang cuốn cho kỹ thuật viên cơ điện chuyên nghiệp";

KONE and LTTC are cooperating in implementation of a project named "Promote Technical Education Reform of Mechanics and Electrification to Professional Technicians";

B. Các Bên ký kết một Biên Bản Ghi Nhớ ngày 23 tháng 11 năm 2016 về các nội dung cơ bản để vận hành Dự Án. Dự Án đã được phê duyệt bởi Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 09/05/2017;

The Parties signed a Memorandum of Understanding dated 23 November 2016 on the basic contents for execution of the Project. The Project was approved by the Chairman of People's Committee of Ho Chi Minh City under Decision No. 2225/QD-UBND dated 09 May 2017;

C. Nhằm cụ thể hóa nội dung hợp tác giữa Các Bên và thiết lập cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện Dự Án, Các Bên mong muốn xây dựng một bản Thỏa Thuận Hợp Tác trên cơ sở các nguyên tắc đã đạt được tại Biên Bản Ghi Nhớ.

In order to particularize the agreements on cooperation between the Parties and to constitute a legal basis for the implementation of the Project, the Parties desire to build a Cooperation Agreement based on the principles agreed in the Memorandum of Understanding.

DO ĐÓ, xem xét các thỏa thuận chung và theo các điều khoản và điều kiện dưới đây, Các Bên tại đây hiểu và đồng ý ký kết Thỏa Thuận này như sau:

THEREFORE, *in consideration of the mutual covenants, and subject to the following terms and conditions, the Parties hereby understood and agreed to sign this Agreement as follows:*

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

ARTICLE 1. DEFINITIONS AND INTERPRETATION

1. Trong Thỏa Thuận này và các phụ lục đính kèm, các từ ngữ và thuật ngữ sau đây được hiểu theo nghĩa được gán cho chúng, trừ khi ngữ cảnh có yêu cầu hiểu khác đi:

In this Agreement and attached annexes hereto, the following words and expressions shall have the meanings assigned to them except where the context otherwise requires:

(i). **"DỰ ÁN"** nghĩa là dự án "Xây dựng Trung tâm đào tạo về lĩnh vực thang máy và thang cuốn cho Kỹ thuật viên Cơ điện chuyên nghiệp" được Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 09/05/2017;

*"**PROJECT**" means the project "Promote Technical Education Reform of Mechanics and Electrification to Professional Technicians" approved by the Chairman of People's Committee of Ho Chi Minh City under Decision No. 2225/QD-UBND dated 09 May 2017;*

(ii). **"TRUNG TÂM"** là trung tâm đào tạo về lĩnh vực thang máy và thang cuốn cho kỹ thuật viên cơ điện chuyên nghiệp được xây dựng theo quy định tại Thỏa Thuận này;

"CENTER" *means a center for training in the field of elevators and escalators for professional technicians which is built in accordance with this Agreement;*

(iii). **"CHỦ DỰ ÁN"** nghĩa là Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh;

*"**PROJECT'S OWNER**" means as Ly Tu Trong College of Ho Chi Minh City;*

(iv). **"BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN"** nghĩa là Ban Quản lý Dự Án được Chủ Dự Án quyết định thành lập theo quyết định số [ ] ngày [ ];

*"**PROJECT MANAGEMENT BOARD**" means the Project Management Board established under the Decision No. [ ] dated [ ] of the Project's Owner*

(v). **"CƠ QUAN"** nghĩa là tất cả các cơ quan có thẩm quyền liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn các bộ, các sở, các cơ quan, các công chức, và những người đại diện của Chính Phủ có thẩm quyền đối với Thỏa Thuận này;

*"**AUTHORITIES**" means all relevant competent authorities, including but not limited to government ministries, departments, agencies, officials, and representatives having jurisdiction over this Agreement;*

(vi). **"THỎA THUẬN"** nghĩa là Thỏa Thuận này cùng với bất kỳ phụ lục, bảng kê và điều chỉnh nào mà các Bên có thể xem là phù hợp để thực hiện theo từng thời điểm trong suốt thời hạn của Thỏa Thuận;

*"**AGREEMENT**" means this Agreement along with any appendices, schedules and amendments that the Parties may deem appropriate to execute from time to time during the term of this Agreement;*

(vii). **"TRANH CHẤP"** nghĩa là bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc có liên quan đến Thỏa Thuận , bao gồm nhưng không giới hạn tới bất kỳ vấn nào đề liên quan đến sự tồn tại, giá trị pháp lý hoặc sự chấm dứt hiệu lực của Thỏa Thuận;

***"DISPUTE"** means any dispute arising out of or in connection with the Agreement, including but not limited to any issues regarding its existence, validity or termination of the Agreement;*

(viii). **"SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG"** tại Thỏa Thuận này có nghĩa là bất kỳ những sự kiện xảy ra một cách khách quan, mà không thể lường trước và không thể được khắc phục bằng tất cả các biện pháp cần thiết và có thể chấp nhận được thực hiện bởi một trong hai Bên, mà sự kiện đó gây cho bất kỳ hoặc cả hai Bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình tại Thỏa Thuận này, bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện sau: hành vi ngăn cấm hoặc trì hoãn của Chính phủ hoặc cơ quan công quyền, bạo loạn, chiến tranh, tình trạng khẩn cấp quốc gia (dù có tuyên bố hay không tuyên bố), thái độ thù địch, gây rối công cộng, đình công, danh sách đen, lệnh tẩy chay, lệnh trừng phạt, tranh chấp lao động và đình công, dịch bệnh, hỏa hoạn, lũ lụt, trận động đất, bão, sóng thần, sự va chạm tới toàn bộ hoặc một phần Cảng hoặc thiên tai khác, và tất cả các sự kiện khác ngoài sự kiểm soát hợp lý của các Bên;

*"**EVENT OF FORCE MAJEURE**" is, for the purpose of this Agreement, an event which occurs in an objective manner which is not able to be foreseen and which is not able to be remedied by all possible necessary and admissible measures being taken by either Party which causes any or both Parties to be unable to perform its or their obligations hereunder, including but not limited to the following events: prohibition acts or delays by government or public agency, riots, war, national emergency (whether declared or not declared), hostility, public disturbance, strikes, blacklisting, boycott, sanctions, other labor disputes and work stoppages, epidemic, fire, flood, earthquake, storm, tidal wave, collision of the Port in whole or part or other acts of nature, and all other events beyond the reasonable control of the Parties;*

(ix). "**THỜI HẠN**" nghĩa là thời hạn của Thỏa Thuận như quy định tại Điều 11.1 của Thỏa Thuận;

*"**TERM**" means the duration of this Agreement set forth in the Article 11.1 hereof;*

(x). "**NGÀY LÀM VIỆC**" nghĩa là các ngày từ Thứ hai đến Thứ Sáu, và sáng Thứ Bảy (từ [8:00] giờ đến [12:00] giờ), ngoại trừ ngày nghỉ lễ theo quy định của Chính phủ.

*"**WORKING DAY**" means any day from Monday to Friday, and the morning of Saturday (from [8:00am] to [12:00am]), excluding public holiday as stipulated by the Government.*

2. Trong tài liệu này, trừ khi ngữ cảnh có yêu cầu hiểu khác đi:

In this document unless the context otherwise requires:

(i). các tiêu đề trong Thỏa Thuận này chỉ nhằm mục đích thuận tiện dẫn chiếu và không được sử dụng để diễn giải;

the headings in this Agreement are for convenience only and shall not be used in its interpretation;

(ii). các số hiệu được bắt đầu bằng cụm từ "theo điều" được hiểu là các điều khoản của Thỏa Thuận này hoặc của các Phụ lục của Thỏa Thuận này;

numbers generally preceded by "in terms of" refer to clause numbers or Appendices in this Agreement;

(iii). các từ chỉ số ít bao hàm nghĩa số nhiều, các từ giống đực sẽ bao hàm nghĩa giống cái, các từ chỉ cá nhân sẽ bao hàm nghĩa tổ chức và ngược lại;

the singular includes the plural, the masculine includes the feminine and persons shall include corporate bodies, and vice versa; and

(iv). trừ khi có quy định khác, "ngày" được tính theo ngày dương dương lịch, "tháng" được tính theo tháng dương lịch và "năm" được tính theo năm dương lịch.

unless specifically stated otherwise, "day" means calendar day, "month" means calendar month and "year" means calendar year.

3. Hồ sơ pháp lý Dự Án

Legal Document of Project

Các tài liệu sau đây sẽ được xem là cấu thành nên và được đọc và diễn giải như một phần của Thỏa Thuận này.

The following documents shall be deemed to form and be read and construed as part of the Agreement, namely:

(i). Quyết định phê duyệt Dự Án của Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 09/05/2017 ("**Quyết Định Phê Duyệt**");

*Decision No. 2225/QD-UBND dated 09 May 2017 approved by Chairman of People's Committee of Ho Chi Minh City ("**Decision on Approval**");*

(ii). Thỏa Thuận này và các phụ lục đính kèm.

This Agreement and its annexes.

ĐIỀU 2. MỤC ĐÍCH

ARTICLE 2. OBJECTIVE

1. Mục đích của Thỏa Thuận này là để thiết lập cơ sở pháp lý cho việc hợp tác giữa KONE và LTTC liên quan đến Dự Án.

The objective of this Agreement is to constitute a legal basis for for the cooperation between KONE and LTTC related to the Project.

2. Việc hợp tác giữa Các Bên trong Thỏa Thuận này chủ yếu phục vụ mục tiêu cộng đồng nhằm đào tạo kỹ thuật viên về lĩnh vực thang máy và thang cuốn, nâng cao kỹ năng, chất lượng và thái độ của nhân viên kỹ thuật trong tương lai, từ đó nâng cao cơ hội nghề nghiệp cho lao động có kỹ năng và phát triển kinh tế Việt Nam về lâu dài.

The cooperation between the Parties herein primarily serves for the community purpose in order to train for technicians in the field of elevators and escalators and improve skills, quality and attitude of technical staff in the future, thereby improve career opportunities for skilled employees and contribute to the development of Vietnam's economy in the long run.

ĐIỀU 3. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

ARTICLE 3. GENERAL INFORMATION OF PROJECT

1. Tên Dự Án: Dự án xây dựng Trung tâm đào tạo về lĩnh vực thang máy và thang cuốn cho Kỹ thuật viên cơ điện chuyên nghiệp

   Name of Project: Promote Technical Education Reform of Mechanics and Electrification to Professional Technicians

2. Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh

   Management authority: Department of Education and Training of Ho Chi Minh City

3. Chủ Dự Án: Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh

   Project's Owner: Ly Tu Trong College of Ho Chi Minh City

4. Tổ chức tài trợ: Công Ty TNHH KONE Việt Nam

   Sponsor: KONE Vietnam Limited Liability Company

5. Mục tiêu Dự Án: Xây dựng tòa nhà gồm 5 tầng tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh thành một trung tâm đào tạo đạt tiêu chuẩn hiện đại, đảm bảo đáp ứng yêu cầu cuả các chương trình giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực thang máy và thang cuốn ngang tầm với các nước trong khu vực.

   Project Objectives: to build a 5-storey building in Ho Chi Minh City become a modern standard training center, satisfy the requirements for training courses and researching in the field of elevator and escalator which can keep pace with other countries in the region.

6. Địa điểm thực hiện Dự Án: 390 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình, TPHCM

   Project's location: No. 390 Hoang Van Thu, Ward 4, Tan Binh District, Ho Chi Minh City

7. Thời gian thực hiện Dự Án: từ 4/2017 đến 12/2027

   Project period: from April 2017 to December 2027

8. Hình thức quản lý Dự Án: Chủ Dự Án trực tiếp quản lý thực hiện Dự Án

   Project management mode: The Project's Owner directly manages the execution of the Project

9. Tổng mức đầu tư: 10.375.100.572 VNĐ (Mười tỷ ba trăm bảy lăm triệu một trăm nghàn năm trăm bảy mươi hai đồng), tương đương 448.675 đô - la Mỹ hoặc 426.826 EURO

   Total investment fund: VND 10,375,100,572 (Ten billion three hundred and seventy five million one hundred thousand five hundred and seventy two dong), equivalent to 448,675 US dollars or 426,826 EURO

10. Vốn đối ứng: không

    Reciprocal capital: none

11. Hình thức viện trợ: không hoàn lại thông qua dự án

    Forms of aid: non-refundable by the Project

ĐIỀU 4. NGUỒN VỐN VÀ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

ARTICLE 4. CAPITAL SOURCES AND PURPOSE OF USING

1. Tổng số tiền tài trợ: Tổng số tiền tài trợ của KONE cho việc triển khai thực hiện Dự Án là 10.375.100.572 VNĐ (Mười tỷ ba trăm bảy lăm triệu một trăm nghàn năm trăm bảy mươi hai đồng), tương đương 448.675 đô - la Mỹ hoặc 426.826 EURO ("**Tổng**

Tiền Tài Trợ"). Trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Tổng Tiền Tài Trợ tại đây là không đổi trong suốt thời hạn của Thỏa Thuận.

*Total funding amount: The total funding amount from KONE for the implementation of the Project is VND 10,375,100,572 (Ten billion three hundred and seventy five million one hundred thousand five hundred and seventy two dong), equivalent to USD 448,675 or EUR 426,826 ("**Total Funding**"). Unless agreed otherwise by Parties and approved by the competent authorities, the Total Funding herein will be fixed during the Term of this Agreement.*

2. Hình thức tài trợ: Tiền mặt.

Form of funding: By cash.

3. Các Bên thỏa thuận Tổng Tiền Tài Trợ được sử dụng cho các mục đích cụ thể sau:

The Parties agree that the Total Funding has been used for the following specific purposes:

STT **No.**	**Mục đích/Danh mục** **Purpose / Category**	**Chi phí dự kiến** **Estimated expenses**
I	Chi phí xây dựng trung tâm thực hành cho chương trình đào tạo. *Costs for the construction of a training center.*	[____] VND, tương đương 243.366 EUR *VND [____], equivalent to EUR 243,366*
II	Chi phí thuê chuyên gia nước ngoài. *Costs for hiring foreign experts.*	[____] VND tương đương 67.160 EUR *VND [____], equivalent to EUR 67,160*
III	Chi phí nhân sự và các hoạt động quản lý và đánh giá chương trình. *Personnel costs and program management and evaluation activities.*	[____] VND tương đương 82.100 EUR *VND [____], equivalent to EUR 82,100*
	Chi phí khác. *Others*	[____] VND tương đương 32.200 EUR *VND [____], equivalent to EUR 32,200*
	Tổng Tiền Tài Trợ *Total Funding*	10.375.100.572 VND tương đương 426.826 EUR *VND 10,375,100,572 , equivalent to EUR 426,826*

Tùy theo tình hình thực tế trong quá trình triển khai thực hiện Dự Án, nôi dung danh mục và chi tiết của các chi phí dự kiến nói trên có thể được điều chỉnh theo thỏa thuận của các Bên nhưng tổng số tiền được KONE tài trợ không được vượt quá Tổng Tiền Tại Trợ quy định tại Khoản 1 Điều 4 trên đây.

Depending on the actual situation during the implementation of the Project, the content and details of estimated expenses mentioned above may be adjusted according to the agreement of the Parties but the total amount sponsored by KONE will not exceed the Total Funding set out in Clause 1, Article 4 above.

ĐIỀU 5. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN

ARTICLE 5. EXECUTION OF THE PROJECT

1. Giai đoạn 1: Xây dựng Trung Tâm

The first period: establishment of the Center

Trung Tâm phải đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật theo quy định pháp luật. Việc xây dựng Trung Tâm phải được thực hiện theo đúng thiết kế, bảo đảm sự bền vững và tính chính xác của các kết cấu xây dựng; và thiết bị lắp đặt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam, phù hợp pháp luật xây dựng hiện hành.

The Center must satisfy requirements on quality and technical specifications as regulated by laws. The construction of the Center must be conducted in accordance with the approved design, ensure the sustainability and accuracy of the structures; and installed equipment in accordance with Vietnamese construction standards and requirements and conformity with current construction regulations.

2. Giai đoạn 2: Tập huấn cho giảng viên tham gia đào tạo

The second period: training for lecturers

Chương trình sẽ tập huấn tối thiểu cho 15 giảng viên, trong đó có 10 giảng viên của LTTC, 05 giảng viên từ các trung tâm đào tạo khác do LTTC mời. Nội dung chương trình đào tạo ngắn hạn sẽ do LTTC cung cấp và được phát triển bởi các chuyên gia của KONE. Mục tiêu của việc tập huấn giảng viên là nhằm chuyển giao kỹ năng đào tạo về chuyên ngành kỹ thuật thang máy và thang cuốn cho các giảng viên địa phương, là những người chịu trách nhiệm nhân rộng các khóa đào tạo cho học viên tại Trung Tâm.

The course will serve at least 15 lecturers, including 10 lecturers of LTTC and 05 lecturers from other centers invited by LTTC. The short-term training course's program will be provided by LTTC and developed by KONE experts. The target of courses is to transfer training skills on elevator and escalator to local lecturers who are responsible for replicating courses for students at the Center.

3. Giai đoạn 3: Khai thác Dự Án

The third period: exploitation of the project

a) Trước tháng 4 năm 2020: Các Bên sẽ đồng vận hành Dự Án.

Before April 2020: *The Parties will cooperate in operation of the Project*

Các Bên sẽ triển khai trương trình đào tạo tại Trung Tâm để cung cấp cho học viên các khóa học với thời hạn 06 tháng/khóa để nâng cao kiến thức thực tiễn về ngành nghề và phát triển các kỹ năng cần có trong lĩnh vực kỹ thuật thang máy và thang cuốn.

Implementation of training courses at the Center to provide courses to students with a term of 6 months/course to improve their industry-specific knowledge and develop necessary technical skills in the field of elevator and escalator engineering.

b) Từ tháng 4 năm 2020 đến hết tháng 4 năm 2027:

From April 2020 to April 2027:

Kết thúc 3 năm đầu thực hiện Dự Án, KONE sẽ chuyển giao cho LTTC chương trình đào tạo, tòa nhà Trung Tâm và các trang thiết bị văn phòng cho LTTC (trừ hệ thống thang máy và thang cuốn) để LTTC có quyền triển khai đào tạo chuyên ngành kỹ thuật thang máy và thang cuốn theo nhu cầu thực tế;

After 03 years of execution of the Project, KONE will transfer to LTTC the training program, the Center building and office equipment for LTTC (except elevators and escalators) so that LTTC has the right to conduct specialized technical training on elevators and escalators according to actual demand;

Trong thời gian 8 năm tiếp theo, Các Bên sẽ cùng khai thác Dự Án theo tỉ lệ thời gian sử dụng Trung Tâm của mỗi Bên là 50%. Mỗi Bên sẽ tự chịu các chi phí liên quan đến thù lao giảng viên cho các khóa đào tạo do mình tổ chức và hưởng các khoản thu được từ các khóa đào tạo đó. Nội dung cụ thể liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Các Bên trong giai đoạn này sẽ được Các Bên thảo luận và thống nhất bằng một phụ lục vào thời điểm đó.

During the next 8 years, the Parties will jointly operate the Project at the rate of using time if 50% for each Parties. Each Party will bear the expenses for lecturers' remuneration of training courses organized by itself and enjoy the revenues from those training courses. Specific contents related to the rights and obligations of the Parties during this period will be discussed and agreed by the Parties in an annex at that time.

c) Sau tháng 4 năm 2027

After April 2027

Sau 11 năm hợp tác, KONE và LTTC sẽ cùng nhau thảo luận và quyết định hình thức hợp tác giai đoạn này thể hiện bằng văn bản một trong hai lựa chọn sau:

After 11 years of cooperation period, KONE and LTTC will discuss and decide on the form of cooperation in next stage under a written agreement in one of the following options:

- Các thang máy và thang cuốn sẽ được chuyển nhượng với chi phí thỏa thuận cho LTTC hoặc

  Elevators and escalators will be transferred at agreed cost to LTTC

- KONE sẽ chuyển giao thang máy và thang cuốn cho LTTC không lấy phí đổi lại quyền tiếp tục khai thác và sử dụng Trung tâm đào tạo cùng thiết bị trong đó miễn phí với thời lượng sử dụng được hai bên bàn bạc và thống nhất.

  KONE will transfer elevators and escalators to LTTC without charge in exchange for the right to continue exploiting and using the Center and equipment without charge in a certain period of time as discussed and agreed by Parties.

Nội dung cụ thể liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Các Bên trong thời gian này sẽ được Các Bên thảo luận và thống nhất bằng một thỏa thuận riêng biệt vào thời điểm đó.

Specific contents related to the rights and obligations of the Parties during this period will be discussed and agreed by the Parties in a separate agreement at that time.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

ARTICLE 6. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF PARTIES

6.1. Quyền và nghĩa vụ của LTTC

Rights and obligations of LTTC

(i). Thu xếp và đảm bảo mặt bằng phục vụ cho việc xây dựng Trung Tâm;

Arrange and ensure the site for the construction of the Center;

(ii). Chịu trách nhiệm trong các hoạt động liên quan đến chính quyền địa phương, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc có được và duy trì các giấy phép, chấp thuận cần thiết để thực hiện xây dựng Trung Tâm và để thực hiện chương trình tập huấn phù hợp với pháp luật và yêu cầu cụ thể từ chỉnh quyền địa phương;

Be responsible for works relating to local authorities, include but not limited at obtaining and maintaining all valid permits and/or licenses necessary for the

construction of Center and execution of training course in compliance with all laws and and specific requirements from local authorities;

(iii). Lựa chọn và quyết định và ký kết các hợp đồng với các đơn vị tư vấn, nhà thầu, đơn vị cung cấp, và các đơn vị khác có đủ năng lực tham gia vào xây dựng, lắp đặt và hoàn thiện Trung Tâm trên cơ sở đấu thầu rộng rãi, cạnh tranh và minh bạch;

Select and sign on contracts with capable consultants, contractors, suppliers, and other parties to participate in building, installing and completing the construction of the Center on the basis of open, competitive and transparent bidding;

(iv). Giám sát, kiểm tra, đôn đốc nhằm đảm bảo việc xây dựng, lắp đặt, vận hành thử, nghiệm thu và bàn giao Trung Tâm đạt tiêu chuẩn chất lượng và đúng tiến độ theo quy định;

Supervise, inspect and monitor works to ensure the construction, installation, commissioning, acceptance and taking over the Center satisfy quality standards and schedule as prescribed;

(v). Phối hợp với KONE xây dựng nội dung tài liệu đào tạo cho chương trình;

Coordinate with KONE to develop training program;

(vi). Quảng bá chương trình hợp tác trên cơ sở hỗ trợ, phối hợp từ KONE;

Promote cooperation programs on the basic of support and coordination from KONE;

(vii). Lựa chọn và ký kết các hợp đồng, thỏa thuận với các quyên gia, thông dịch viên phục vụ cho mục đích tập huấn giáo viên theo giới thiệu từ KONE; và xin visa, giấy phép lao động, nếu cần, để hỗ trợ các chuyên gia nước ngoài vào Việt Nam thực hiện công tác tập huấn và giảng dạy; và

Select and sign on contracts and agreements with with experts and interpreters for the purpose of training lecturers as recommended by KONE; and apply for a visa, work permit, if necessary, to assist foreign experts in Vietnam to conduct training activities; and

(viii). Chủ động phối hợp với KONE trong quá tình thực hiện Dự Án.

Coordinate and cooperate in good faith with KONE during project implementation.

6.2. Quyền và nghĩa vụ của KONE

Rights and obligations of KONE

(i). Cung cấp 03 thang máy cao tầng, 01 thang cuốn KONE, máy móc, thiết bị và vật liệu thực hành để thực hiện chương trình đào tạo;

Provide 03 elevators and 01 escalator branded KONE, machinery, equipment and practical materials to implement the training program;

(ii). Phối hợp với LTCC trong việc quảng bá chương trình hợp tác;

Coordinate with with LTCC in promoting cooperation programs;

(iii). Giới thiệu và đề xuất với LTTC các chuyên gia và các thông dịch viên cho mục đích tập huấn giáo viên;

Introduce and recommend to LTTC experts and interpreters for training purposes;

(iv). Cử nhân viên giám sát để đảm bảo nguyên tắc hỗ trợ vận hành an toàn các thang máy và thang cuốn cho LTTC trong thời gian LTTC sử dụng các thiết bị này;

Assign supervisors to ensure principles of the safe operation of elevators and escalators for LTTC during the use of these equipment;

(v). Thực hiện việc giải ngân theo đúng tiến độ do Các Bên thỏa thuận theo tiến độ thực hiện triển khai Dự Án thực tế; và

Disbursement as scheduled in accordance with Appendix 02 of this Agreement on the basis of actual implementation progress of the Project; and

(ix). Chủ động phối hợp với LTTC trong quá tình thực hiện Dự Án.
Coordinate and cooperate in good faith with LTTC during project implementation.

ĐIỀU 7. ĐIỀU KHOẢN GIẢI NGÂN
ARTICLE 7. DISBURSEMENT

1. Điều kiện giải ngân
Condition for Disbursement

Chủ Dự Án có thể yêu cầu rút vốn trong hạn mức tài trợ với điều kiện Chủ Dự Án cung cấp cho Bên Tài Trợ một yêu cầu bằng văn bản (**"Thông Báo Giải Ngân"**) ít nhất [07] ngày làm việc trước ngày đề xuất rút vốn và Chủ Dự Án phải cung cấp cho Bên Tài Trợ hồ sơ thanh toán hợp lý theo yêu cầu của KONE.

*The Project's Owner may request for disbursement within the Total Funding provided that the Project's Owner provides the Sponsor a written request ("**Disbursement Notice**") at least [07] working days before expected date for disbursement and the Project Owner must provide the Sponsor with a reasonable payment documents as required by KONE.*

2. Hình thức giải ngân
Disbursement Method

Việc giải ngân sẽ được thực hiện thông qua chuyển khoản (T/T) vào tài khoản sau:
Disbursement will be conducted via TT to the following bank account:

Bên thụ hưởng/*Beneficiaries*: [___]

Tên ngân hàng/*Bank name*: [___]

Địa chỉ ngân hàng/*Bank name*: [___]

Số tài khoản/*Account number*: [___]

ĐIỀU 8. QUẢN LÝ DỰ ÁN
ARTICLE 8. PROJECT MANAGEMENT

1. Hình thức quản lý Dự Án:
Form of management

Chủ Dự Án – LTTC trực tiếp quản lý, điều hành thực hiện Dự Án.
Project Owner - LTTC directly manages and operates the implementation of the Project.

2. Ban Quản lý Dự Án.
Project Management Board

(i). Thông tin về Ban Quản Lý Dự Án
Information of the Project Management Board

- Tên giao dịch/*Name* : []
- Địa chỉ/*Address* : []

- Điện thoại/*Tel* : []
- Fax/*Fax* : []
- E-mail/*E-mail* : []
- Số tài khoản/*Bank account* : []

(ii). Cơ cấu tổ chức
Organization structure of the Project Management Board

- Giám đốc Ban Quản Lý Dự Án/*Director* : []
- Thành viên Ban Quản Lý Dự Án/*Members* : []
- Đồng Giám đốc Ban Quản Lý Dự Án/*co-director (if any)* : []

3. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Ban Quản Lý Dự Án
Functions and obligations of a Project Management Board

(i). Nhiệm vụ lập kế hoạch
To draw up plans.

(ii). Nhiệm vụ quản lý chuẩn bị thực hiện Dự Án.
To manage the preparation of programs or projects:

a) Nghiên cứu văn kiện Dự Án, quy trình, thủ tục và những điều kiện thực hiện Dự Án về chế độ chi tiêu ngân sách, chế độ kế toán, kiểm toán dự án, chế độ báo cáo …;
Study of project documents, process, procedures and conditions to implement programs or projects (regulations on budget spending, accounting, audit, reporting, etc.);

b) Nghiên cứu các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng công trình, có tính đến một số yêu cầu đặc thù của viện trợ phi chính phủ nước ngoài.
Study of current regulation on construction investment management, taking into account specific requirements of FNG aid.

(iii). Nhiệm vụ thực hiện các hoạt động đấu thầu và quản lý hợp đồng
To carry out bidding activities and manage contracts

a) Thực hiện nhiệm vụ đấu thầu do Chủ Dự Án giao phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về đấu thầu;
To perform bidding-related tasks assigned by the Project's Owner in accordance with the provisions of Vietnamese law on bidding;

b) Quản lý việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại các hợp đồng đã được người có thẩm quyền ký với nhà thầu. Theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động và kết quả hoạt động của nhà thầu. Kịp thời giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện các hợp đồng theo thẩm quyền.
To manage the performance of obligations stated in the contract signed by a competent person and the contractor. To monitor, supervise and assess contractors' activities and their results. To promptly settle according to its competence problems arising in the course of contract performance.

(iv). Nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản và giải ngân
To manage finance and assets and disburse capital

a) Quản lý tài chính, tài sản và thực hiện các thủ tục giải ngân theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy định của Bên Tài Trợ.

To manage finance and assets and carry out capital disbursement procedures according to the law and the sponsor's regulations.

(v). Nhiệm vụ hành chính, điều phối và trách nhiệm giải trình

To perform administrative, coordination and explanation tasks

a) Tổ chức văn phòng và quản lý nhân sự của Ban Quản Lý Dự Án;

To organize its office and manage staff of Project Management Board;

b) Thiết lập hệ thống thông tin nội bộ, tập hợp, phân loại, lưu trữ toàn bộ thông tin, tư liệu gốc liên quan đến Dự Án và Ban Quản Lý Dự Án theo quy định của pháp luật;

To establish its internal communication system, to collect, classify and preserve all original information and data related to the Project and Project Management Board according to the law;

c) Chuẩn bị để Chủ Dự Án công khai nội dung, tổ chức, tiến độ thực hiện và ngân sách của Dự Án cho những đối tượng hưởng lợi trực tiếp của Dự Án và các cơ quan liên quan;

To make preparations for the Project's Owner to publicly notify project's contents, organization, implementation progress and funds to direct beneficiaries and concerned agencies;

d) Cung cấp các thông tin chính xác và trung thực cho các cơ quan bảo vệ pháp luật, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, Bên Tài Trợ, các cơ quan thông tin đại chúng và cá nhân liên quan trong khuôn khổ nhiệm vụ và trách nhiệm được giao, ngoại trừ những thông tin được giới hạn phổ biến theo luật định;

To provide accurate and truthful information to law enforcement, examination, inspection and audit bodies, The Sponsor, mass media and concerned individuals within its assigned tasks and responsibilities, except information restricted from dissemination according to the law;

e) Làm đầu mối của Chủ Dự Án và các cơ quan thực hiện Dự Án trong giao dịch với Bên Tài Trợ về các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện Dự Án;

To act as the focal point of the Project's Owner and project-implementing agencies in working with the Sponsor on relevant matters in the course of project implementation;

(vi). Nhiệm vụ theo dõi, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện Dự Án

To monitor, assess and report on Project implementation

a) Tổ chức đánh giá về hoạt động của Ban Quản Lý Dự Án;

To assess operation of Project Management Board;

b) Tổ chức theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện Dự Án theo quy định;

To monitor and assess Project implementation under the regulation;

c) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

To report under the regulation.

(vii). Nhiệm vụ đối với nghiệm thu, bàn giao, quyết toán Dự Án

To test before acceptance, taking-over and final settlement the Project.

a) Chuẩn bị để Chủ Dự Án, Cơ quan chủ quản nghiệm thu Dự Án và bàn giao Dự Án đã hoàn thành cho đơn vị tiếp nhận theo quy định để vận hành, khai thác.

To make preparations for the Project's Owner and the managing agency to test Project before taking-over and handing over the completed Project to the recipient for operation.

(viii). Các nhiệm vụ khác (nếu có)

To perform other tasks (if any)

a) Ban Quản Lý Dự Án thực hiện các nhiệm vụ khác trong khuôn khổ Dự Án do Chủ Dự Án giao

Project Management Board performs other tasks within Project framework as assigned by Owner of Project.

ĐIỀU 9. TRÁCH NHIỆM GIÁM SÁT, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

ARTICLE 9. RESPONSIBILITY TO MONITOR AND REPORT

1. Trách nhiệm giám sát, đánh giá việc thực hiện Dự Án:

Responsibility to monitor and evaluate implementing Project:

(i). Trách nhiệm của Ban Quản Lý

Responsibility of Project Management Board

a) Ban Quản lý có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết giám sát, đánh giá việc thực hiện Dự Án;

Project Management Board is responsible to prepare detailed plans on monitoring and evaluation of the implementation of Project;

b) Xây dựng quy chế, thu thập và lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu, sổ sách, chứng từ của Dự Án;

To elaborate regulations and collect and archive sufficient information, data, dossiers, documents, books and documents of Projects.

c) Lập báo cáo thực hiện theo quy định, cung cấp, chia sẻ thông tin thông qua hệ thống theo dõi, đánh giá cấp ngành, địa phương và cấp quốc gia; và

To make implementation reports under regulations and provide and share information via branch local- and national-level monitoring and evaluation systems; and

d) Thực hiện hoặc thuê tư vấn giúp Ban Quản lý Dự Án lập các báo cáo đánh giá ban đầu, giữa kỳ và kết thúc theo nội dung văn kiện Dự Án đã được phê duyệt; làm đầu mối phối hợp với bên tài trợ hoặc cơ quan quản lý có thẩm quyền để đánh giá Dự Án.

To make or hire consultants to assist Project Management Board in making, initial, mid-term and term-end evaluation reports according to approved Project documents; act as the focal point in coordinating with sponsors or competent management agencies to evaluate Projects.

(ii). Trách nhiệm của LTTC

Responsibility of LTTC

a) LTTC có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, hỗ trợ Ban Quản lý trong việc giám sát, đánh giá Dự Án.

LTTC is responsible for directing, speeding up and assisting the Project Management Board in monitoring and evaluating the Project

2. Trách nhiệm báo cáo với cơ quan quản lý

Responsibility to report to the management agency

(i). Ban quản lý có trách nhiệm chuẩn bị và nộp các báo cáo sau tới các cơ quan có thẩm quyền:

Management Board is responsible for preparing and submitting the following reports to the competent authorities:

a) Báo cáo 6 tháng: Chậm nhất vào ngày 10 tháng 7
6-month report: No later than July 10

b) Báo cáo năm: Chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 năm tiếp sau
Annual report: No later than January 31 of the following year

c) Báo cáo kết thúc Dự Án: Chậm nhất 6 tháng kể từ ngày kết thúc thực hiện Dự Án
Project Completion Report: within 6 months from the end of the Project implementation

(ii). Ban Quản Lý Dự Án phải thu thập các thông tin, tài liệu cần thiết để chuẩn bị và đệ trình báo cáo 6 tháng cho Chủ Dự Án để được chấp thuận và thông qua trước ít nhất [07] ngày làm việc trước khi các báo cáo được nộp lên cơ quan quản lý có thẩm quyền.
Project Management Board has to collect the necessary information and documents to prepare and submit a 6-month report to the Project's Owner for getting acceptance and approval at least [07] business days in advance before submitting reports to competent authorities.

(iii). LTTC có trách nhiệm chuẩn bị và nộp các báo cáo sau tới các cơ quan có thẩm quyền:
LTTC is responsible for preparing and submitting the following reports to the competent authorities

a) Báo cáo 6 tháng: Chậm nhất vào ngày 15 tháng 7
6-month report: No later than July 15

b) Báo cáo năm: chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 năm tiếp sau
Annual report: No later than January 31 of the following year

c) Báo cáo kết thúc Dự Án: chậm nhất 6 tháng kể từ ngày kết thúc thực hiện Dự Án
Project Completion Report: within 6 months from the end of the Project implementation

ĐIỀU 10. CAM KẾT CỦA CÁC BÊN
ARTICLE 10. COMMITMENT OF THE PARTIES

Mỗi Bên cam kết và bảo đảm với Bên còn lại rằng, mình:
Each Party represents and warrants to the other Party that:

1. Có thẩm quyền và đã có được sự chấp thuận nội bộ cần thiết để ký kết Thỏa Thuận này và thực hiện các trách nhiệm của mình như được đề cập ở đây;
To have the authority and obtain the internal consent necessary to enter into this Agreement and to perform its responsibilities as set forth herein.

2. Có đầy đủ thẩm quyền để ký kết và thực hiện Thỏa Thuận, và được thực hiện những công việc phát sinh từ Thỏa Thuận;
To have full authority to enter into and perform the Agreement and is entitled to perform works arising from the Agreement;

3. Có đầy đủ năng lực, có quyền và thỏa mãn điều kiện chuyên môn theo pháp luật Việt Nam để thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Thỏa Thuận này một các hợp pháp theo các quy định tại đây; và
To have full capacity, rights and satisfaction of the professional conditions according to Vietnamese law to legally perform the obligations specified in this Agreement according to the provisions herein; and

4. Sẽ tuyệt đối tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Thỏa Thuận này với kỹ năng, sự cẩn trọng và chuyên môn phù hợp.

   To strictly comply with and perform its obligations under this Agreement with appropriate skills, care and diligence.

ĐIỀU 11. THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT

ARTICLE 11. TERM AND TERMINATION

1. Thời Hạn

Term

Trừ khi chấm dứt sớm hơn thời hạn dưới đây, Thỏa Thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký kết ("**Ngày Hiệu Lực**") và duy trì hiệu lực tới hết tháng 12 năm 2027 ("**Thời Hạn**").

Unless earlier terminated as provided herein, this Agreement shall take effect from the *signing date ("**Effective Date**") and remain in full force until the end of December 2027 ("**Term**").*

Khi kết thúc Thời Hạn, trên cơ sở được phê duyệt bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các Bên có thể xem xét việc tiếp tục hiệu lực của Thỏa Thuận này, với các điều khoản và điều kiện theo thoả thuận của các Bên tại thời điểm đó.

Upon the expiration of the Term, on the basis of being approved by competent authorities, Parties may consider to further continue the validity of this Agreement, with terms and conditions as agreed by the Parties at that time.

2. Chấm dứt

Termication

Thỏa Thuận này sẽ chấm dứt trong các trường hợp:

This Agreement may be terminated in the following cases:

(i). khi hết thời hạn của Dự Án hoặc bất kỳ thời gian gia hạn nào của Dự Án;

upon the expiration of the term of Project or any extension of the Project;

(ii). khi hoạt động của Dự Án bị chấm dứt hợp pháp theo các yêu cầu của quy định pháp luật hiện hành; hoặc

when the operation of the Project is legally terminated in accordance with the requirements of applicable law; or

(iii). theo thỏa thuận của Các Bên

upon agreement by the Parties

ĐIỀU 12. BẢO MẬT

ARTICLE 12. CONFIDENTIALITY

1. Các Bên tại đây thỏa thuận và đồng ý giữ bí mật các thông tin mật của Bên còn lại, thời hạn và điều kiện của Thỏa Thuận này trong Thời hạn tại đây và tiếp sau đó, nếu có, để tiếp tục giữ tính bảo mật và không tiết lộ cho Bên thứ ba nào bất kỳ tài sản hoặc bí mật hoặc thông tin mật được tiết lộ bởi bất kỳ Bên nào cho Bên còn lại vào bất kỳ thời điểm nào trong Thời Hạn hoặc để phục vụ cho việc thỏa thuận Thỏa Thuận này.

   The Parties hereto covenant and agree to keep the confidential information of the other Party, and the terms and conditions of this Agreement, confidential during the Term and any further term, to maintain the confidentiality of, and not disclose to any third party, any proprietary or secret or confidential information disclosed to it by any Party at any time during the Term of, or negotiation of this Agreement.

2. Các Bên phải yêu cầu nhân viên và những người lao động khác của mình, và tất cả những công ty con hoặc chi nhánh của mình tuân thủ với nghĩa vụ bảo mật được quy định tại Điều 12.1 trên đây.

The Parties shall also cause their staff and other employees, and those of their subsidiaries or affiliated companies, also to comply with the confidentiality obligations set forth in Article 12.1.

3. Các Điều 12.1 và Điều 12.2 trên đây không áp dụng với các bất kỳ thông tin nào (i) đã là một phần của thông tin công khai; (ii) đã được công khai theo yêu cầu của pháp luật, quy định hoặc lệnh của toàn án, với điều kiện rằng Bên Tiết Lộ Thông Tin đã gửi cho Bên kia thông báo trước bằng văn bản về việc tiết lộ.

Articles 12.1 and Article 12.2, shall not apply to any information (i) which is already part of the public domain; (ii) which is disclosed as required by laws, regulations or court orders, provided that the Disclosing Party has given the other Party written notice prior to disclosure.

ĐIỀU 13. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ARTICLE 13. GOVERNING LAW AND DISPUTE DISPOSITION

1. Luật điều chỉnh

Governing law

Thỏa Thuận này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

This Agreement shall be governed by and construed in accordance with the law of Vietnam

2. Giải quyết tranh chấp

Dispute disposition

(i) Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh đều được Các Bên cố gắng giải quyết đầu tiên bằng con đường thỏa thuận thiện chí.

The Parties shall first attempt to amicably settle any Dispute.

(ii) Trong trường hợp Các Bên không thể đạt được thỏa thuận trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có thông báo về Tranh chấp, Tranh chấp này sẽ được giải quyết và có hiệu lực cuối cùng bởi Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam.

If the Parties cannot reach an amicable settlement within thirty (30) days from the date of a notice of Dispute, such Dispute shall be referred to and finally resolved by competent court in Vietnam.

(iii) Thỏa Thuận này và các quyền và nghĩa vụ (trừ các nghĩa vụ đang bị tranh chấp) của Các Bên vẫn được thực hiện đầy đủ trong thời gian chờ đợi phán quyết của Tòa án theo thủ tục pháp lý.

This Agreement and the rights and obligations (to the exception of the obligations subject to the Dispute) of both Parties shall be fully performed pending Court's judgement in the proceeding hereunder.

ĐIỀU 14. BẤT KHẢ KHÁNG

ARTICLE 14. FORCE MAJEURE

1. Nếu một Bên bị ngăn cản không thực hiện được trách nhiệm của mình tại Thỏa Thuận này do một Sự kiện Bất Khả Kháng, thì Bên đó phải có trách nhiệm thông báo ngay cho đối tác của mình về trường hợp Bất Khả Kháng trong vòng [bốn mươi tám (48) giờ] kể từ lúc phát sinh Sự kiện Bất Khả Kháng. Mỗi Bên phải áp dụng những nỗ lực phù hợp để giảm thiểu thiệt hại trong phạm vi có thể.

If Party has been prevented from performing its responsibilities stipulated in this Agreement because of an Event of Force Majeure, it shall notify the other Party immediately and then in writing within [forty-eight (48) hours] after the occurrence

of such Event of Force Majeure and consult the other Party, and each Party shall use reasonable endeavours to mitigate the damages, to the extent possible.

2. Bên có tuyên bố về Sự Kiện Bất Khả Kháng phải áp dụng các biện pháp phù hợp để giảm thiểu hoặc gỡ bỏ tác động của Sự Kiện Bất Khả Kháng và, trong thời gian ngắn nhất có thể, cố gắng để tiếp tục thực hiện công việc bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng.
   The Party claiming the Event of Force Majeure shall take appropriate measures to minimise or remove the effects of the Event of Force Majeure and, within the shortest possible time, attempt to resume performance of the obligation affected by the Event of Force Majeure.

ĐIỀU 15. CHUYỂN NHƯỢNG
ARTICLE 15. ASSIGNMENT

Các Bên không được chuyển giao lại bất kỳ quyền hoặc cam kết thực hiện nào tại Thỏa Thuận này mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên còn lại. Bất kỳ việc chuyển giao lại quyền nào được thực hiện trái với điều khoản này được xem như không có hiệu lực và có thể là cơ sở để ngay lập tức chấm dứt Thỏa Thuận này.

The Parties may not assign any of the rights or undertaking under this Agreement without the prior written consent of the other. Any assignment done contrary to this provision shall be without any effect and may be a ground for the immediate termination of this Agreement.

ĐIỀU 16. TỪ BỎ
ARTICLE 16. WAIVER

Không Bên nào do không thực hiện được hoặc thực hiện chậm trễ quyền, lợi ích hoặc biện pháp khắc phục theo quy định tại Thỏa Thuận này do lỗi của Bên khác phải làm giảm sút quyền, lợi ích hoặc biện pháp khắc phục đó, và cũng không được hiểu là sự từ bỏ những quyền lợi đó.

No failure or delay on the part of either Party in exercising any right, power, or remedy under this Agreement upon any breach by the other shall impair such right power or remedy, nor shall it be construed as a waiver thereof.

ĐIỀU 17. VÔ HIỆU TỪNG PHẦN
ARTICLE 17. PARTIAL VALIDITY

Nếu có bất kỳ điều khoản hoặc quy định nào tại Thỏa Thuận này hoặc bất kỳ tài liệu nào được ký kết liên quan đến Thỏa Thuận này bị Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền tuyên bố vô hiệu, trái pháp luật hoặc không thể thực hiện được, các điều khoản còn lại tại đây sẽ không bị ảnh hưởng hoặc suy giảm hiệu lực dưới bất kỳ cách nào. Trong trường hợp này, các Bên sẽ thương lượng để thỏa thuận về các điều khoản thay thế được các bên thống nhất và đáp ứng điều kiện để thay thế các điều khoản bị bãi bỏ đó.

If any of the provisions or stipulations contained in this Agreement or any document executed in connection herewith shall be declared invalid, illegal or unenforceable by a competent court or agency, the remaining provisions contained herein shall not be in any way affected or impaired. In this case, the Parties will negotiate to mutually agree on alternative terms and satisfy the conditions for replacing such abolished terms.

ĐIỀU 18. THỎA THUẬN TỔNG THỂ VÀ SỬA ĐỔI
ARTICLE 18. ENTIRE AGREEMENT AND MODIFICATIONS

Thỏa Thuận này, bao gồm những phụ lục kèm theo nếu có, cấu thành toàn bộ thỏa thuận giữa Các Bên liên quan đến đối tượng Thỏa Thuận này, và sẽ chấm dứt hiệu lực tất cả những trao đổi hoặc thỏa thuận trước đó bằng văn bản hoặc bằng miệng được thực hiện để làm cam kết hoàn toàn và độc nhất về các điều khoản và điều kiện giữa Các Bên.

This Agreement, including attachments hereto, constitutes the entire agreement between the Parties concerning the subject matter hereof, and supersedes all prior communications or agreements, written or oral, and is intended to be a complete and exclusive statement of the terms and conditions between the Parties.

Mọi bổ sung hoặc sửa đổi Thỏa Thuận này phải được Các Bên đồng ý bằng văn bản và mọi bổ sung hoặc sửa đổi Thỏa Thuận này sẽ không có hiệu lực cho đến khi được phê duyệt (trong phạm vi yêu cầu của Pháp luật Việt Nam).

Any amendments or supplements to this Agreement shall be mutually agreed in writing by the Parties and any amendments or supplements to this Agreement will not be effective until approved (according to Vietnamese laws).

ĐIỀU 19. KÝ KẾT

ARTICLE 19. COUNTERPARTS

Thỏa Thuận này được lập thành [hai (02) bản tiếng Việt và Tiếng Anh]. Mỗi Bên giữ [01 bản] để thực hiện. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung Tiếng Việt và Tiếng Anh, bản Tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

This Agreement is prepared into [two (02) bilingual copies in Vietnamese and English]. Each party keeps [01 copy] of each language for execution. In case Vietnamese and English versions have discrepancies in content and/or interpretation, the English version will prevail.

Thay mặt và đại diện cho	**Thay mặt và đại diện cho**
For and on behalf of	***For and on behalf of***
CÔNG TY TNHH KONE VIỆT NAM	**TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KONE VIETNAM LIMITED LIABILITY COMPANY	***LY TU TRONG COLLEGE OF HO CHI MINH CITY***
_____	_____
Degeling Bastiaan Simon Jozef	**Phạm Hữu Lộc**
Tổng Giám Đốc/*General Director*	**Hiệu Trưởng/*Principal***